

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 9- 2020

*"V/v Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình".*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ân.*

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

2. Ông Huỳnh Chí Trình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Ngọc Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.**

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ánh B**, sinh năm: 1994. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp số 3, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Phạm Quốc H**, sinh năm: 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ánh B trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Chị B và anh H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 22 tháng 8 năm 2017

Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh H tại ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, không tôn trọng nhau, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt. Hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay.

Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quốc H.

- *Về con chung*: Chị B và anh H có 02 (hai) người con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2017 và Phạm Hoàng Long T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2019. Cháu Trân hiện đang sống chung với anh H còn cháu Tiến đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn chị B đồng ý giao cháu Trân cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiến; chị B và anh H không ai phải cấp dưỡng con.

- *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Ánh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Lê Thị Ánh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Phạm Quốc H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.

\* *Tài liệu, chứng cứ trong vụ án*:

- Nguyên đơn đã nộp: Trích lục kết hôn (bản sao); giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Hộ khẩu gia đình (bản sao); Đơn xác nhận nơi cư trú bị đơn.

- Bị đơn đã nộp: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Chị B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh H. Theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ánh B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào

Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Ánh B và bị đơn anh Phạm Quốc H.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị B và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 22 tháng 8 năm 2017 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn chị B và anh H chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, không tôn trọng nhau, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt.

Xét thấy, chị B và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay mà không thể hàn gắn đoàn tụ đã cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị B và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị B khẳng định chị không còn tình cảm với anh H nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Chị B và anh H có 02 (hai) người con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2017 và Phạm Hoàng Long T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2019. Cháu Trân đang sống chung với anh H và cháu Tiến sống chung với chị B, hiện tại các đang phát triển rất tốt. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho cháu Trân và cháu Tiến cần tiếp tục giao cháu Phạm Ngọc Quỳnh T cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng Long T là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị Ánh B trình bày không yêu cầu anh Phạm Quốc H phải cấp dưỡng nuôi cháu Tiến, anh H vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị Ánh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Lê Thị Ánh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ánh B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ánh B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Thị Ánh B được ly hôn với anh Phạm Quốc H.

- *Về con chung:* Giao cháu Phạm Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2017 cho anh Phạm Quốc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Phạm Hoàng Long T, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2019 cho chị Lê Thị Ánh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Lê Thị Ánh B và anh Phạm Quốc H không phải cấp dưỡng con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung:* Chị Lê Thị Ánh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Quốc H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Chị Lê Thị Ánh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Quốc H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Lê Thị Ánh B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0008204 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Lê Thị Ánh B đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Phạm Quốc H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Vũng Liêm;*
- *THADS huyện Vũng Liêm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã M, huyện C;*

*tỉnh Trà Vinh;*

- *Lưu.*

**Trần Văn Ân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Ân**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Ân**



Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng....năm.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Ân**

